|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÀO CAI**  ĐỀ THI ĐỀ XUẤT  *(Đề thi gồm 02 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ LẦN THỨ XV, NĂM 2023**  **-----------------------**  **ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10**  *Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Câu I (4,0 điểm)**

1. Vào ngày 22/12 trong năm, hiện tượng ngày đêm và thời tiết trên Trái Đất có gì đặc biệt? Chỉ ra điểm giống nhau giữa hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.

2. So sánh sự khác biệt của các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa. Sự khác biệt giữa các nhân tố đó ảnh hưởng như thế nào tới thảm thực vật ở hai khu vực trên?

**Câu II (4,0 điểm)**

1. Tại sao nói sự phân bố mưa trên Trái đất vừa mang tính địa đới, vừa mang tính phi địa đới?

2. Nêu các nhân tố ảnh hưởng tới độ mặn của nước biển đại dương. Trình bày và giải thích đặc điểm độ mặn của đại dương thế giới tại vùng xích đạo, chí tuyến và vùng cận cực?

**Câu III (4,0 điểm)**

1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của không khí trên Trái Đất.

2. Vì sao độ ẩm tương đối ở Xích đạo và vùng cực đều cao nhưng ở xích đạo mưa nhiều còn ở vùng cực mưa ít? Ngành kinh tế nào dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu? Giải thích tại sao?

**Câu IV (3,0 điểm)**

1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư. Tại sao thời gian gần đây tốc độ tăng dân số thành thị ở các nước đang phát triển nhanh hơn ở các nước phát triển?

2. Phân tích ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.

**Câu V (5,0 điểm)**

1. Trình bày vai trò các nguồn lực (vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội) đối với phát triển kinh tế. Vì sao các nước đang phát triển, phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ?

2. Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THAN, DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI**

**GIAI ĐOẠN 1950 - 2019**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1970** | **1990** | **2010** | **2019** |
| Than *(triệu tấn)* | 1820 | 2936 | 3387 | 6270 | 7727 |
| Dầu mỏ *(triệu tấn)* | 523 | 2336 | 3331 | 5488 | 4437 |
| Điện *(tỉ kWh)* | 967 | 4962 | 11832 | 22369 | 27005 |

*(Nguồn: Thống kê của Ngân hàng thế giới - World Bank)*

Nhận xét và giải thích về sản lượng than, dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn trên.

---------- HẾT ---------

GV ra đề: Trịnh Thị Bạch Yến  
 SĐT: 0982345652

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÀO CAI**  ĐỀ THI ĐỀ XUẤT | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ LẦN THỨ XV, NĂM 2023**  **-----------------------**  **HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10** |

**Câu I (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung kiến thức** | **Điểm** |
| **1** | ***Vào ngày 22/12 trong năm, hiện tượng ngày đêm và thời tiết trên Trái Đất có gì đặc biệt?*** | **1,0** |
| \* Hiện tượng ngày – đêm:  - BBC có hiện tượng ngày ngắn nhất và đêm dài nhất trong năm,  - Tại xích đạo ngày bằng đêm và bằng 12h, càng xa xích đạo ngày càng chênh lệch độ dài ngày đêm càng lớn.  - Từ vòng cực B đến cực B có hiện tượng đêm địa cực, từ vòng cực N đến cực N xuất hiện hiện tượng ngày địa cực.  \* Thời tiết: BBC là mùa nóng, vùng vĩ độ cao nhiệt độ tuy thấp nhưng vẫn là thời điểm nóng nhất trong năm. NBC là mùa lạnh và là thời điểm lạnh nhất trong năm. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***Chỉ ra điểm giống nhau giữa hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ:*** | **1,0** |
| **-** Đều có cùng nguyên nhân: Do Trái Đất chuyển động quanh mình và chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời. Trong suốt quá trình chuyển động tịnh tiến quanh Mặt trời trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương nên tùy vào vị trí Trái Đất trên quỹ đạo mà ngày, đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.  - Đều có độ dài ngày đêm không bằng nhau theo mùa và theo vĩ độ | 0,5  0,5 |
| **2** | **So sánh sự khác biệt của các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa.** | **2.0** |
|  | - Đá mẹ: Vùng cận cực lục địa chủ yếu là các trầm tích Đệ tứ, băng tích, trầm tích hồ, phù sa sông, trầm tích biển. Vùng nhiệt đới gió mùa có đá mẹ phong phú hơn: Bazan, đá vôi, đá phiến, đá gơnai.....  - Khí hậu: Vùng cận cực lục địa khí hậu khắc nghiệt, nhiệt thấp, hầu như tuyết quanh năm, lượng mưa nhỏ (130 – 300mm). Vùng nhiệt đới gió mùa có nền nhiệt cao trên 200C, mưa lớn (1800 – 2000mm), mưa và ẩm thay đổi mạnh theo mùa.  - Sinh vật: Vùng cận cực lục địa thành phần đơn giản, khả năng tạo mùn kém. Vùng nhiệt đới ẩm gió mùa có rừng rậm thường xanh, khả năng tạo mùn cao.  - Địa hình: Vùng cận cực lục địa địa hình khá bằng phẳng, nhiều hồ, đầm, đất ít rửa trôi. Vùng nhiệt đới gió mùa nhiều nơi có núi cao, dốc, đất bị rửa trôi mạnh và phân tầng rõ rệt theo độ cao.  - Thời gian: Vùng cận cực lục địa đất mới hình thành cách đây dưới 1,5 triệu năm, tuổi trẻ, quá trình hình thành gián đoạn, đất mỏng. Vùng nhiệt đới gió mùa đất hình thành lâu hơn, tuổi đất già, tầng đất dày hơn.  - Con người: Vùng cận cực lục địa đất ít chịu tác động từ các hoạt động của con người hơn so với vùng nhiệt đới gió mùa.  \* Sự khác biệt giữa các nhân tố đó ảnh hưởng như thế nào tới thảm thực vật ở hai khu vực trên?  - Vùng cận cực lục địa có thảm thực vật đài nguyên, thành phần loài đơn giản, nhiều rêu, địa y, cây bụi thấp lùn  - Vùng nhiệt đới ẩm gió mùa có rừng nhiệt đới ẩm, nhiều tầng tán, dây leo, thành phần loài phong phú, đa dạng. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |

**Câu II (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung kiến thức** | **Điểm** |
| 1 | ***Tại sao nói sự phân bố mưa trên Trái đất vừa mang tính địa đới, vừa mang tính phi địa đới?*** | **2,0** |
| \* Tính địa đới:  - Khu vực Xích đạo: mưa nhiều nhất do áp thấp, nhiệt độ cao, có nhiều đại dương và rừng Xích đạo ẩm ướt, nước bốc hơi mạnh.  - Hai khu vực chí tuyến: mưa ít do áp cao, tỉ lệ diện tích lục địa tương đối lớn.  - Hai khu vực ôn đới: mưa trung bình do áp thấp, gió Tây ôn đới thổi từ biển vào.  - Hai khu vực cực: mưa ít nhất do áp cao, lạnh, nước không bốc lên được.  \* Tính phi địa đới:  - Theo bán cầu: Từ Xích đạo đến vòng cực: nửa cầu Nam mưa nhiều hơn vì có diện tích đại dương lớn hơn lục địa, nửa cầu Bắc ngược lại. Từ vòng cực về cực: nửa cầu Nam là lục địa Nam Cực, mưa ít hơn, nửa cầu Bắc là Bắc Băng Dương, mưa nhiều hơn.  - Theo lục địa, đại dương: Càng vào sâu trong lục địa, lượng mưa càng giảm vì ảnh hưởng của khối khí biển giảm...  - Do dòng biển: Bờ đông và bờ tây lục địa có lượng mưa khác nhau, liên quan đến hoạt động của dòng biến kết hợp với hoàn lưu khí quyển...  - Do địa hình: Càng lên núi cao, lượng mưa càng giảm, tới một độ cao nhất định sẽ không có mưa. Ở các dãy núi cao, sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió thường ít mưa. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 2 | ***Nêu các nhân tố ảnh hưởng tới độ mặn của nước biển đại dương. Trình bày và giải thích đặc điểm độ mặn của đại dương thế giới tại vùng xích đạo, chí tuyến và vùng cận cực?*** | **2,0** |
| *\* Các nhân tố ảnh hưởng tới độ mặn của nước biển đại dương:* Số giờ nắng, nhiệt độ, lượng mưa, lượng nước sông đổ ra biển, điều kiện địa hình (vùng biển kín hay hở) ….  *\* Trình bày và giải thích đặc điểm độ mặn của đại dương thế giới tại vùng xích đạo, chí tuyến và vùng cận cực?*  - Độ mặn trung bình ở vùng xích đạo khá cao: 3,45% do nhiệt độ cao, số giờ nắng nhiều nên lượng bốc hơi lớn, tuy nhiên ở đây có lượng mưa lớn nên đây không phải là nơi có độ mặn nước biển cao nhất.  - Độ mặn trung bình ở vùng chí tuyến cao nhất so với các khu vực khác của đại dương (3,68 %). Nguyên nhân ít mưa, ít dòng chảy, số giờ nắng nhiều, nhiệt độ cao nước bốc hơi mạnh.  - Độ mặn trung bình ở vùng cận cực thấp (3,4%). Nguyên nhân: do nhiệt độ thấp, nước bốc hơi ít, băng tan. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |

**Câu III (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung kiến thức** | **Điểm** |
| 1 | ***Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của không khí trên Trái Đất.*** | **2,0** |
| - Vĩ độ địa lí: Càng về vĩ độ cao, góc nhập xạ càng nhỏ, lượng nhiệt hấp thụ ít nên nhiệt độ thấp; đồng thời sự chênh lệch góc nhập xạ giữa hai mùa trong năm càng lớn, nên biên độ nhiệt cao.  - Phân bố lục địa và đại dương: Lục địa có nhiệt dung riêng nhỏ hơn đại dương, hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt đều nhanh, nên nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa; biên độ nhiệt càng vào sâu trong lục địa càng lớn.  - Địa hình (độ cao, độ dốc và hướng phơi)  + Trong tầng đối lưu, khi lên cao, nhiệt độ giảm (0,60C/100m).  + Sườn dốc có nhiệt độ cao hơn sườn thoải do có góc nhập xạ lớn hơn.  + Sườn núi đón nắng có góc nhập xạ lớn hơn sườn khuất nắng, lượng nhiệt nhân được nhiều hơn.  - Lớp phủ thực vật và hoạt động sản xuất của con người: Nơi có lớp phủ rừng và khu vực nông thôn nhìn chung nhiệt độ thấp hơn khu vực mất hoặc không có lớp phủ thực vật rừng; khu vực thành phố… | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 2 | ***Vì sao độ ẩm tương đối ở Xích đạo và vùng cực đều cao nhưng ở xích đạo mưa nhiều còn ở vùng cực mưa ít?*** | **1,0** |
| - Độ ẩm tương đối ở xích đạo và vùng cực đều cao do:  + Ở Xích đạo: Mặc dù nhiệt độ cao nhưng lượng hơi nước trong khí quyển lớn (do có áp thấp, diện tích đại dương lớn, nhiều rừng, có dòng biển nóng, hoạt động của đối lưu nhiệt phát triển mạnh) nên độ ẩm tương đối cao (> 80%).  + Ở vùng cực: Do nhiệt độ quanh năm thấp, làm cho độ ẩm bão hoà thấp, không khí luôn đạt gần điểm bão hoà hơi nước nên độ ẩm tương đối cao.  - Mặc dù độ ẩm đều cao, nhưng lượng mưa khác nhau do:  + Xích đạo: Mưa nhiều, do đây là vùng áp thấp ổn định, lượng bốc hơi lớn, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới…  + Vùng cực: Mưa ít, do nhiệt độ thấp, hơi nước không bốc hơi lên được, không khí khó bão hoà nên không sinh ra mưa. Các nguyên nhân khác: áp cao, bề mặt đệm phủ băng tuyết… | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***Ngành kinh tế nào dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu? Giải thích tại sao?*** | **1,0** |
| - Nông nghiệp là ngành kinh tế dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu  - Do:  + sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên (đất, nước, khí hậu…).  + Biến đổi khí hậu làm gia tăng thiên tai, những hiện tượng thời tiết cực đoan như nhiệt độ cao, mưa đá, hạn hán, lũ lụt… -> giảm diện tích đất canh tác, giảm năng suất, chất lượng của nông sản, thủy sản… | 0,25  0,25  0,5 |

**Câu IV (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung kiến thức** | **Điểm** |
| 1 | ***Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư.*** | 1,0 |
| - Tự nhiên….  - Kinh tế - xã hội: quyết định…  - Lịch sử quần cư và khai thác lãnh thổ…  - Khác… | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***Tại sao thời gian gần đây tốc độ tăng dân số thành thị ở các nước đang phát triển nhanh hơn ở các nước phát triển?*** | **1,0** |
| **\* Các nước đang phát triển:**  - Quá trình CNH đang được đẩy mạnh , các TTCN, KCN… được xây dựng và mở rộng quy mô nên thu hút được nhiều lao động.  - Quá trình đô thị hóa đang được phát triển mạnh mẽ, khu vực đô thị có điều kiện và chất lượng sống tốt hơn nên thu hút đông dân cư từ nông thôn ra thành thị.  **\* Các nước phát triển:**  - Tỉ lệ gia tăng dân số ở mức thấp, mức sống cao và ít chênh lệch giữa nông thôn và thành thị do tiến bộ của GTVT nên dân có xu hướng chuyển từ thành phố ra nông thôn, vùng ngoại ô.  - Quá trình ĐTH diễn ra từ lâu, khả năng kiếm việc làm và tăng thu nhập ở TP không còn hấp dẫn như giai đoạn đầu CNH | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | ***Trình bày ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.*** | **1,0** |
| - Tỉ lệ dân thành thị cho biết mức độ đô thị hóa của một quốc gia, châu lục... Tỉ lệ dân thành thị lớn thường thể hiện mức độ đô thị hóa cao, ngược lại…  - Tỉ lệ dân thành thị cho biết trình độ phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Những nước có tỉ lệ dân thành thị cao thường có hoạt động kinh tế phát triển, mức sống của dân cư cao hơn, ngược lại… | 0,5  0,5 |

**Câu V (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý** | **Nội dung kiến thức** | **Điểm** |
|  | ***\* Trình bày vai trò các nguồn lực (vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội) đối với phát triển kinh tế*** | **1,0** |
| - Vị trí địa lí: tạo thuận lợi hay gây khó khăn cho việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các vùng trong một nước, giữa các quốc gia với nhau.  - Nguồn lực tự nhiên: là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất.  - Nguồn lực kinh tế - xã hội: có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nước trong từng giai đoạn.  🡪 Hiểu và đánh giá đúng các nguồn lực sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***Vì sao các nước đang phát triển, phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ?*** | **1,0** |
| Vì:  - Các nhân tố tác động đến cơ cấu kinh tế luôn thay đổi nên sự chuyển dịch là một tất yếu, phù hợp với các quy luật vận động của tự nhiên, kinh tế - xã hội.  - Các nước đang phát triển đa số là những nước nghèo, nền nông nghiệp chiếm vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, tốc độ phát triển kinh tế chậm. Do vậy muốn có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định cần phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (tăng tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ).  - Sự chuyển dịch phù hợp, gắn với xu thế chung của thế giới và khu vực, tạo điều kiện để hội nhập kinh tế thế giới và khu vực | 0,25  0,5  0,25 |
| 2 | ***Nhận xét và giải thích bảng số liệu*** | **3,0** |
| *\* Nhận xét:*  Nhìn chung từ 1950 - 2019 sản lượng than, dầu mỏ, điện của thế giới đều có xu hướng tăng. Tuy nhiên tốc độ tăng của các sản phẩm có sự khác nhau:  + Than có tốc độ tăng chậm nhất (d/c).  + Dầu mỏ có tốc độ tăng khá nhanh và có sự biến động (d/c).  + Điện có tốc độ tăng nhanh nhất và tăng liên tục (d/c).  *\* Giải thích:*  - Nhìn chung sản lượng than, dầu mỏ, điện của thế giới đều có xu hướng tăng do nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng nhiều, khoa học kĩ thuật phát triển...  - Tuy nhiên tốc độ tăng của các sản phẩm có sự khác nhau:  + Than là nguồn năng lượng truyền thống, có tốc độ tăng liên tục nhưng còn chậm so với dầu mỏ và điện do tính năng của than không nổi trội như dầu, nhu cầu sử dụng ít hơn; , tuy nhiên, sản lượng than vẫn tăng vì có trữ lượng lớn, nhu cầu tiêu thụ rộng lớn.  + Dầu mỏ tuy phát triển muộn hơn công nghiệp khai thác than nhưng có tốc độ tăng khá nhanh do có nhiều ưu điểm (nhiệt lượng cao, thuận lợi trong sử dụng, vận chuyển), gần đây, sản lượng dầu có sự biến động là do phụ thuộc vào thị trường thế giới...  + Điện là ngành công nghiệp năng lượng trẻ, phát triển gắn liền với tiến bộ khoa học kĩ thuật có tốc độ tăng nhanh nhất và tăng liên tục do nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng, cơ cấu nguồn điện đa dạng, đầu tư xây dựng nhiều nhà máy điện quy mô lớn và đi vào hoạt động... | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5  0,5  0,5 |